

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2015/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm soát
thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn đánh giá tác động của thủ tục hành chính và rà soát, đánh giá thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTP ngày 31/12/2014 của Bộ Tư pháp hướng dẫn kiểm tra thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 250/2014/QĐ-UBND ngày 13/6/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy chế phối hợp công bố, công khai thủ tục hành chính và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo (đăng công báo);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC,CVP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Nguyễn Tử Quỳnh

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính
trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số. 44 /2015/QĐ-UBND ngày 30 /12/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp trong công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) giữa Sở Tư pháp với các Sở, ban, ngành tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp giữa các cơ quan quy định tại Điều 1 Quy chế này được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, trách nhiệm, căn cứ trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, địa phương, đơn vị;

2. Đề cao trách nhiệm cơ quan đầu mối phối hợp của Sở Tư pháp, các cá nhân, đơn vị làm đầu mối phối hợp trong công tác kiểm soát TTHC của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã nhằm bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của UBND tỉnh. Việc phối hợp phải bảo đảm tính thường xuyên, chủ động, khuyến khích việc trao đổi, nắm bắt thông tin các vấn đề có liên quan để nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động kiểm soát TTHC;

3. Tuân thủ tuyệt đối quy trình giải quyết công việc trong mối quan hệ phối hợp, đảm bảo đúng thời gian, nội dung công việc và không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

Điều 3. Nội dung phối hợp

1. Đánh giá tác động của TTHC, lấy ý kiến đối với quy định về TTHC trong quá trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC thuộc thẩm quyền HĐND, UBND tỉnh;

2. Công bố, công khai TTHC;
3. Rà soát đánh giá TTHC;
4. Báo cáo công tác thực hiện kiểm soát TTHC;
5. Công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC.

Điều 4. Trách nhiệm phối hợp

1. Tham gia ý kiến bằng văn bản khi nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì, bảo đảm bám sát nội dung yêu cầu và thời hạn lấy ý kiến;
2. Cử người tham dự các cuộc họp hoặc tham gia Đoàn công tác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, bảo đảm đúng thành phần, chịu trách nhiệm về ý kiến của mình;
3. Các nội dung khác theo yêu cầu.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Đánh giá tác động của TTHC, lấy ý kiến đối với quy định về TTHC trong quá trình ban hành văn bản QPPL có quy định TTHC thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh, UBND tỉnh

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo:

Khi được UBND tỉnh giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản QPPL có quy định TTHC, cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc đánh giá tác động đối với những nội dung TTHC được giao quy định đầy đủ, chi tiết trong dự thảo văn bản theo quy trình tại Điều 5 Thông tư số 07/2014/TT-BTP ngày 24/02/2014 của Bộ Tư pháp. Cụ thể như sau:

- Đối với những TTHC được Trung ương phân cấp hoặc ủy quyền cho UBND tỉnh quy định (*TTHC mới phù hợp với tình hình thực tiễn hoặc đặc thù của địa phương*):

+ Nội dung đánh giá tác động: Các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC, chi phí tuân thủ TTHC.

+ Biểu mẫu sử dụng để đánh giá tác động của TTHC: *Biểu mẫu 01A/DG-KSTT* tại Phụ lục I về đánh giá tác động của TTHC và *Biểu mẫu số 03/SCM-KSTT* tại Phụ lục IV về tính chi phí tuân thủ TTHC (Các biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP).

- Đối với những TTHC Trung ương chưa quy định đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC và phân cấp hoặc ủy quyền cho UBND tỉnh quy định đầy đủ, chi tiết các bộ phận còn lại tạo thành TTHC (cách thức thực hiện TTHC, mẫu kết quả thực hiện TTHC...):

+ Nội dung đánh giá tác động:

Các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp của TTHC, chi phí tuân thủ TTHC đối với những bộ phận tạo thành của TTHC được giao quy định chi tiết hoặc sửa đổi, bổ sung.

+ Biểu mẫu sử dụng để đánh giá tác động của TTHC: *Biểu mẫu 01B/ĐG-KSTT* tại Phụ lục II về đánh giá tác động của TTHC được sửa đổi, bổ sung hoặc quy định chi tiết và *Biểu mẫu số 03/SCM-KSTT* tại Phụ lục IV về tính chi phí tuân thủ TTHC (biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP).

- Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp kết quả đánh giá tác động thành báo cáo riêng phục vụ cho công tác góp ý, thẩm định và ban hành văn bản.

b) Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tư pháp; tổng hợp các ý kiến, chỉnh sửa Dự thảo và hoàn thiện hồ sơ gửi Sở Tư pháp tiến hành thẩm định văn bản QPPL theo quy định tại Điều 2, Điều 4 Quyết định số 86/2011/QĐ-UBND ngày 25/7/2011 về việc quy định trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, đã được sửa đổi bổ sung tại Quyết định số 166/2014/QĐ-UBND ngày 20/5/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Cho ý kiến và thẩm định đối với nội dung dự thảo văn bản QPPL theo quy định. Đối với quy định TTHC trong Dự thảo, nội dung thẩm định cần đánh giá trọng tâm các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp và hiệu quả của TTHC. Trường hợp cần thiết có thể tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về TTHC thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo hoặc biểu lấy ý kiến do Bộ Tư pháp ban hành để tổng hợp ý kiến gửi cơ quan chủ trì soạn thảo. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tư pháp.

Điều 6. Công bố thủ tục hành chính

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

a) Sau khi nhận được quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm thống kê, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố TTHC theo nội dung và hình thức quy định tại Điều 3 Thông tư số 05/2014/TT-BTP đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết hoặc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện, UBND cấp xã nhưng thuộc phạm vi quản lý.

b) Trường hợp TTHC trong quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã đảm bảo đầy đủ các bộ phận tạo thành và văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh không có quy định liên quan về TTHC đã được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ công bố:

+ Thông báo cho Sở Tư pháp trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố, đồng thời trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính”. Hình thức “Sao

y bản chính” quyết định công bố TTHC được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

+ Thực hiện kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC và tổ chức ngay việc niêm yết TTHC đã công bố.

c) Trường hợp có bổ sung TTHC hoặc bổ sung bộ phận tạo thành của TTHC theo quy định tại văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh:

- Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh có trách nhiệm bổ sung TTHC hoặc bộ phận tạo thành của TTHC, xây dựng dự thảo quyết định công bố, hoàn thiện hồ sơ gửi đến Sở Tư pháp (bản giấy và bản điện tử đến địa chỉ: pkstthc.stp@bacninh.gov.vn) để kiểm soát chất lượng.

Hồ sơ để kiểm soát chất lượng gồm có:

+ Công văn đề nghị kiểm soát chất lượng dự thảo Quyết định công bố;

+ Dự thảo tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quyết định công bố TTHC. Nội dung tờ trình cần làm rõ các vấn đề như hướng dẫn tại mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

+ Dự thảo quyết định công bố TTHC, kèm theo danh mục và nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản góp ý của Sở Tư pháp, cơ quan dự thảo quyết định công bố TTHC có trách nhiệm tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa dự thảo và hoàn thiện hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành.

Hồ sơ trình công bố quyết định TTHC gồm có (bản giấy và bản điện tử):

+ Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành quyết định công bố TTHC, gồm các vấn đề cần làm rõ như hướng dẫn tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy chế này;

+ Dự thảo quyết định công bố TTHC, kèm theo danh mục và nội dung TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.

- Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh có quy định về TTHC.

d) Trong trường hợp cần thiết, mặc dù quyết định công bố của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ đã bảo đảm đầy đủ các bộ phận tạo thành TTHC nhưng xét thấy cần bổ sung địa chỉ cụ thể cơ quan tiếp nhận hồ sơ giải quyết TTHC, đơn giản hoá hồ sơ, thủ tục, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC hoặc các nội dung khác theo yêu cầu cải cách TTHC của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mà không làm thay đổi nội dung TTHC, không trái với quy định của TTHC đã công bố thì cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh

vực tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố lại Bộ TTHC. Quy trình ban hành quyết định công bố lại Bộ TTHC được thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, tiến hành đánh giá, kiểm soát chất lượng TTHC, nội dung, hình thức của dự thảo quyết định công bố TTHC; có trách nhiệm tham gia đóng góp ý kiến bằng văn bản và gửi lại cơ quan về ngành, lĩnh vực để hoàn thiện dự thảo trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Quyết định công bố TTHC sau khi ban hành phải gửi đến Sở Tư pháp, Cục Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý; đồng thời công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực thuộc UBND tỉnh.

Điều 7. Công khai thủ tục hành chính

1. Trách nhiệm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

- Niêm yết công khai các TTHC đã được công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC đảm bảo đúng yêu cầu và hình thức theo quy định tại Mẫu hướng dẫn số 01, 02, 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP;

- Đăng tải các TTHC đã công bố thuộc thẩm quyền giải quyết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương (đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương có Trang thông tin điện tử);

- Khuyến khích các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng nhiều hình thức công khai khác như: Tập hợp các TTHC theo lĩnh vực đóng thành quyển đặt tại nơi tiếp nhận, giải quyết TTHC của đơn vị hoặc đặt tại nhà văn hóa cấp xã để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, nghiên cứu;

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh niêm yết công khai bộ TTHC dùng chung của cấp huyện, cấp xã thuộc chức năng, phạm vi quản lý.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Cập nhật các TTHC thuộc lĩnh vực quản lý của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố và đề nghị Bộ Tư pháp công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

Điều 8. Rà soát, đánh giá TTHC

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh:

- Căn cứ vào Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC đã được phê duyệt, cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm phối hợp với Sở Tư pháp, các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tiến hành rà soát, đánh giá TTHC hoặc nhóm TTHC, quy định hành chính có liên quan bảo đảm mục tiêu và tiến độ đã được phê duyệt trong kế hoạch.

Trường hợp cần thiết có thể tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của TTHC và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

+ Nội dung rà soát, đánh giá: tập trung làm rõ các tiêu chí về sự cần thiết của TTHC; sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp của các bộ phận tạo thành TTHC; tính chi phí tuân thủ TTHC theo quy định tại các Điều 12, Điều 13, Điều 14 Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

+ Biểu mẫu sử dụng rà soát, đánh giá: Biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC số 02/RS-KSTT, Phụ lục III và Biểu mẫu chi phí tuân thủ TTHC số 03/SCM-KSTT, Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

- Sau khi hoàn thành việc rà soát, đánh giá tiến hành tổng hợp và lập Báo cáo tổng hợp kết quả rà soát, đánh giá gồm: nội dung phương án đơn giản hóa TTHC và các sáng kiến cải cách TTHC; lý do; chi phí cắt giảm khi đơn giản hóa; kiến nghị thực thi. Đồng thời, gửi báo cáo tổng hợp và các biểu mẫu rà soát, đánh giá, sơ đồ nhóm TTHC trước và sau rà soát (đối với trường hợp rà soát nhóm) đã được lãnh đạo đơn vị phê duyệt đến Sở Tư pháp để xem xét đánh giá chất lượng.

- Trên cơ sở ý kiến góp ý, đánh giá chất lượng của Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn hoàn thiện kết quả rà soát, đánh giá; trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định thông qua phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách TTHC đối với từng lĩnh vực hoặc theo nội dung được giao chủ trì theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2014/TT-BTP.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thực hiện kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC sau khi đã được UBND tỉnh phê duyệt. Kiểm tra lại kết quả rà soát, đánh giá của các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì rà soát, đánh giá gửi đến thông qua việc thực hiện các công việc sau:

a) Lựa chọn, tiến hành rà soát, đánh giá độc lập một số TTHC hoặc nhóm TTHC, quy định hành chính có liên quan;

b) Đánh giá chất lượng rà soát thông qua việc đánh giá các nội dung: việc sử dụng biểu mẫu rà soát, đánh giá, bảng tính chi phí tuân thủ TTHC của các đơn vị, chất lượng phương án đơn giản hóa TTHC, tỷ lệ cắt giảm số lượng TTHC, cắt giảm chi phí tuân thủ TTHC theo mục tiêu kế hoạch đề ra.

3. Xử lý kết quả rà soát, đánh giá TTHC:

a) Đối với những TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh: Trên cơ sở kết quả đề nghị của các cơ quan chuyên môn, UBND tỉnh tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ hoặc bãi bỏ TTHC theo thẩm quyền.

b) Đối với những TTHC không thuộc thẩm quyền quản lý, UBND tỉnh có văn bản đề nghị gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để xử lý theo thẩm quyền.

Điều 9. Báo cáo công tác thực hiện kiểm soát TTHC

1. Chế độ báo cáo định kỳ về công tác kiểm soát TTHC:

Báo cáo kiểm soát TTHC được thực hiện mỗi năm 02 lần gồm báo cáo 06 tháng và báo cáo năm (báo cáo năm lần một và báo cáo năm chính thức).

a) Kỳ báo cáo 6 tháng: Được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/6 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/4 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01/5 đến hết ngày 30/6 hàng năm.

b) Kỳ báo cáo 01 năm được thực hiện hai lần trong năm, bao gồm:

+ Báo cáo năm lần một: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính.

Số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/10 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế); số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01/11 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

+ Báo cáo năm chính thức: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm (ngày chốt số liệu thực tế).

Phương pháp ước tính số liệu báo cáo thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về hoạt động thống kê của ngành Tư pháp.

2. Trách nhiệm thực hiện báo cáo:

a) UBND cấp xã; các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh báo cáo theo nội dung tại các biểu mẫu số 06a/BTP/KSTT/KTTH, 07g/BTP/KSTT/KTTH và 07a/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BTP;

b) Phòng Tư pháp tổng hợp báo cáo của UBND cấp xã, các đơn vị chuyên môn cấp huyện, giúp UBND cấp huyện xây dựng báo cáo theo nội dung tại các biểu mẫu số 06a/BTP/KSTT/KTTH, 07b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục III và tổng hợp về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BTP;

c) Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo của UBND cấp huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, giúp UBND tỉnh xây dựng báo cáo theo nội dung tại các biểu mẫu số 01b/BTP/KSTT/KTTH, 02b/BTP/KSTT/KTTH, 03c/BTP/KSTT/KTTH, 04b/BTP/KSTT/KTTH, 05b/BTP/KSTT/KTTH (nếu có), 06b/BTP/KSTT/KTTH, 07đ/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục III và tổng hợp về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC theo Đề cương báo cáo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 05/2014/TT-BTP.

d) Ngoài các báo cáo định kỳ nêu tại khoản 1 Điều này, cơ quan, địa phương, đơn vị có trách nhiệm báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thời hạn báo cáo.

- UBND cấp xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện gửi báo cáo cho Phòng Tư pháp để tổng hợp theo thời hạn: Báo cáo 6 tháng trước ngày 10/5; báo cáo năm lần một trước ngày 10/11 hàng năm và báo cáo năm chính thức trước ngày 25/01 năm sau;

- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện gửi báo cáo cho Sở Tư pháp (Phòng KSTTHC) để tổng hợp theo thời hạn: Báo cáo 6 tháng trước ngày 20/5, báo cáo năm lần một trước ngày 20/11 hàng năm và báo cáo năm chính thức trước ngày 20/02 năm sau;

- Sở Tư pháp báo cáo gửi Bộ Tư pháp theo thời hạn: Báo cáo 6 tháng trước ngày 02/6, báo cáo năm lần một trước ngày 02/12 hàng năm và báo cáo năm chính thức trước ngày 15/3 năm sau.

Điều 10. Công tác kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC

Sở Tư pháp có trách nhiệm tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện kiểm tra hoạt động kiểm soát TTHC tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

1. Trách nhiệm của Sở Tư pháp:

Liên hệ với đơn vị được kiểm tra để thu thập và tổng hợp thông tin, hồ sơ, tài liệu về tình hình hoạt động kiểm soát TTHC của đơn vị được kiểm tra có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Thông báo cho đơn vị được kiểm tra về chương trình, thời gian kiểm tra chậm nhất 10 (mười) ngày làm việc (trường hợp kiểm tra đột xuất là 3 (ba) ngày làm việc) trước khi tiến hành kiểm tra.

Thông báo dự thảo kết luận kiểm tra cho đơn vị được kiểm tra có ý kiến tiếp thu, giải trình cụ thể đối với các nội dung kiểm tra nêu tại dự thảo kết luận.

Chậm nhất trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đợt kiểm tra thông báo kết luận kiểm tra tới đơn vị được kiểm tra.

Đề xuất các biện pháp hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền yêu cầu đơn vị được kiểm tra tra kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế, tháo gỡ khó khăn và thực hiện kiểm soát TTHC theo đúng quy định.

Theo dõi, đôn đốc và báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện các biện pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại, xử lý hành vi vi phạm trong việc thực hiện kiểm soát TTHC của đơn vị được kiểm tra.

2. Trách nhiệm các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã (đơn vị được kiểm tra):

Phối hợp chặt chẽ với Sở Tư pháp trong quá trình thực hiện kiểm tra, gửi báo cáo kết quả tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính cho Sở Tư pháp chậm nhất trước 05 (năm) ngày làm việc tính đến ngày công bố, triển khai quyết định kiểm tra (trong trường hợp kiểm tra đột xuất đơn vị được kiểm tra không phải gửi báo cáo trước);

Báo cáo trung thực, cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác thông tin, tài liệu đã cung cấp;

Tiếp thu và thực hiện các kiến nghị, yêu cầu, kết luận của đơn vị kiểm tra hoặc của cơ quan, người có thẩm quyền. Chậm nhất sau 20 (hai mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận kiểm tra, đơn vị được kiểm tra phải có báo cáo bằng văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra về tình hình, kết quả thực hiện các biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, tồn tại và xử lý hành vi vi phạm được phát hiện trong quá trình kiểm tra (nếu có).

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã:

Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC theo quy chế này và các văn bản khác có liên quan; bố trí và tạo điều kiện để công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC; kịp thời khen thưởng, động viên các đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý có thành tích, sáng kiến trong thực hiện TTHC, cải cách hành chính; đồng thời nghiêm túc xử lý, chấn chỉnh các thiếu sót, tồn tại trong công tác phối hợp kiểm soát TTHC để kịp thời báo cáo UBND tỉnh.

2. Sở Nội vụ sử dụng kết quả công tác kiểm soát TTHC là một trong các tiêu chí xét thi đua các đơn vị hàng năm; hướng dẫn khen thưởng, nâng lương trước thời hạn hoặc được ưu tiên xem xét bổ nhiệm đối với cán bộ, công chức có thành tích xuất sắc trong thực hiện kiểm soát TTHC theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP.

3. Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tư pháp và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh thực hiện việc công khai, cập nhật các TTHC đã công bố; duy trì và đăng tải thường xuyên các thông tin liên quan đến công tác kiểm soát TTHC trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4. Sở Tài chính có trách nhiệm cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí cho công tác kiểm soát TTHC; thống nhất quản lý các khoản kinh phí hỗ trợ cho các chương trình, dự án về kiểm soát TTHC; kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí các chương trình, dự án trình UBND tỉnh theo quy định.

Điều 12. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế; tiếp nhận, tổng hợp và đề xuất biện pháp giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này; kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp những khó khăn, vướng mắc để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, bất cập cần điều chỉnh, cơ quan, địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tử Quỳnh

Mẫu số 01

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **355**/2015/QĐ-UBND,
ngày **30/12**/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

UBND TỈNH BẮC NINH
TÊN CQ, TC BAN HÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-...

....., ngày tháng năm

TỜ TRÌNH

**V/v công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở/
UBND cấp huyện/UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh**

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính. Thực hiện chức năng giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực.... (lĩnh vực được giao quản lý), hiện nay Bộ ... (Bộ chủ quản) đã ban hành văn bản công bố TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của ... (nêu rõ thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành tỉnh hoặc của UBND cấp huyện, cấp xã) (hoặc văn bản QPPL của tỉnh ban hành có quy định TTHC). Vì vậy để đảm bảo các TTHC về lĩnh vực được giao quản lý phù hợp với văn bản trung ương mới ban hành, (hoặc văn bản QPPL của tỉnh) ... (cơ quan soạn thảo) tiến hành rà soát thống kê các TTHC thuộc phạm vi quản lý trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành để áp dụng thực hiện trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh cụ thể như sau:

1. Sự cần thiết ban hành:

Cần nêu rõ việc trung ương ban hành Quyết định công bố TTHC (nêu cụ thể số, trích yếu, ngày tháng năm ban hành văn bản) thuộc phạm vi quản lý hoặc ở địa phương do HĐND, UBND ban hành văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC hoặc quy định chi tiết bộ phận tạo thành TTHC (trường hợp trung ương ủy quyền HĐND, UBND ban hành văn bản có quy định TTHC) làm cho các TTHC đã công bố trước đây có sự thay đổi và dẫn đến việc cơ quan soạn thảo phải xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC với số lượng TTHC theo từng nội dung như công bố mới; sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp của TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố áp dụng.

2. Quá trình xây dựng dự thảo:

Đối với nội dung này cơ quan soạn thảo cần lưu ý:

- Đối với dự thảo Tờ trình khi gửi hồ sơ đến Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng. Cần làm rõ các nội dung sau:

Cần nêu rõ quá trình xây dựng dự thảo là do đơn vị (phòng, ban) chủ trì soạn thảo? đơn vị phối hợp? vai trò của cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC đơn vị như thế nào: có tham gia trong quá trình xây dựng dự thảo hay không? Có thực hiện việc kiểm soát chất lượng của dự thảo trước khi gửi đến Sở Tư pháp để kiểm soát chất lượng hay chưa?...

- Đối với Tờ trình khi trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố, ngoài các nội dung như đã trình bày khi gửi Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng. Nội dung Tờ trình gửi UBND tỉnh cần bổ sung làm rõ nội dung dự thảo đã có gửi Sở Tư pháp kiểm soát chất lượng hay chưa? Những ý kiến góp ý của Sở Tư pháp? Cơ quan soạn thảo có tiếp thu hoặc không và giải trình (nếu không tiếp thu ý kiến Sở Tư pháp).

3. Nội dung chính của dự thảo

Nêu cụ thể Quyết định công bố gồm bao nhiêu TTHC được công bố mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ (có phụ lục kèm theo).

4. Những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và xin ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh

Trong quá trình góp ý cho nội dung dự thảo Quyết định công bố, Sở Tư pháp có những ý kiến góp ý mà cơ quan soạn thảo nhận thấy chưa phù hợp và còn có ý kiến khác thì cơ quan soạn thảo trình bày cụ thể trong nội dung phần này và xin ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh để xem xét giải quyết. Nếu không có ý kiến khác nhau giữa Sở Tư pháp và cơ quan chủ trì soạn thảo hoặc không có ý kiến gì khác cần xin chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh thì không trình bày nội dung phần này.

... (Cơ quan soạn thảo) kính trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định công bố các thủ tục hành chính nêu trên để đơn vị tổ chức thực hiện.

(Kèm theo dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính)./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp
-
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục
(Kèm theo Tờ trình số, ngày
của)

1. Danh mục TTHC mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.../UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính	
I. Lĩnh vực.....		
1	Thủ tục	Trang

2. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.../UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Số hồ sơ của TTHC ⁽¹⁾	Quyết định đã công bố TTHC	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽²⁾	Nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế ⁽³⁾
I. Lĩnh vực.....					

3. Danh mục TTHC bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.../UBND cấp huyện/UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Số hồ sơ của TTHC ⁽¹⁾	Quyết định đã công bố TTHC	Tên VBQPPL quy định việc hủy bỏ, bãi bỏ TTHC ⁽²⁾
I. Lĩnh vực.....				